

Đánh giá chất lượng bài kiểm tra tiếng Anh cuối kì của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Luật Đại học Quốc gia Hà Nội

Nguyễn Thị Như Quỳnh*

*ThS. Khoa Tiếng Anh, Trường ĐHNN, Đại học QG Hà Nội

Received: 7/12/2023; Accepted: 12/12/2023; Published: 05/01/2024

Abstract: English has always been proven to be the secret to success in most fields in Vietnam today. Most businesses and organizations use English as an almost mandatory requirement when looking for a job. However, many college graduates have difficulty in finding jobs related to their field of study, and more than half of graduates have to undergo retraining after being hired. The main objective of this study is to learn about the attitudes of first-year students towards teachers' activities focusing on solving categorical questions in tests and to evaluate the reliability and validity of the content of the current final achievement tests used by first-year students in the College of Law. The first reason is to investigate the compatibility between the content of the test specification and the content of the final achievement test as evidence for the content validity of the test. The second step is to determine the level of reliability and statistical evidence for the content validity of the test based on the final achievement test results. Last but not least, let's offer some suggestions for improving the reliability and validity of the test.

Keywords: Assessment tests, classification questions, and learners' attitudes

1. Đặt vấn đề

Cùng với việc dạy và học tiếng Anh thì sự cần thiết của các bài kiểm tra cũng là một nguồn quan tâm chính của các nhà giáo dục và học sinh. Theo Bachman (1990), kiểm tra cho phép giáo viên đánh giá sự tiến bộ của học sinh trong một khoảng thời gian học tập cụ thể, đánh giá phong cách giảng dạy của chính họ và đưa ra các đề xuất để cải thiện việc giảng dạy ngôn ngữ. Các bài kiểm tra được đưa ra để đánh giá tiến độ học tập sau một quá trình dạy và học của giảng viên và sinh viên, đa phần các bài kiểm tra sẽ được tạo ra dựa trên nội dung quy chuẩn kiến thức trong giáo trình và trình độ của sinh viên qua các bài kiểm tra nhỏ định kì để đưa ra mức kiểm tra chung phù hợp với trình độ của đa số sinh viên.

Ngoài ra, có thể kết luận rằng kiểm tra đã cho phép sinh viên đánh giá trình độ tiếng Anh của chính họ để xác định xem mức độ thành thạo của họ có đủ để thành công trong học tập hoặc việc làm hay không. Đồng thời bài kiểm tra cũng là thước đo sự hiệu quả trong quá trình dạy và học tập, từ đó giúp giảng viên điều chỉnh giáo án và chương trình giảng dạy phù hợp với trình độ của nhóm sinh viên trong từng lớp từng khóa, cũng như giúp các em sinh viên phát triển và thiết kế chương trình và mức độ ôn luyện để tiếp thu kiến thức theo hướng hiệu quả nhất, từ đó nâng cao điểm số nói riêng cũng như các kĩ năng giải quyết vấn

đề và kiến thức ngôn ngữ nói chung.

Bài nghiên cứu này sẽ tập trung vào chất lượng của bài kiểm tra thành tích cuối kỳ của sinh viên Đại học Luật với các lý do sau. Đầu tiên, bài kiểm tra thành tích cung cấp cho giáo viên ý tưởng về trình độ ngôn ngữ mà mỗi học sinh đạt được trong một khoảng thời gian nhất định với tham chiếu rất cụ thể đến một chương trình cụ thể. Kết quả kiểm tra thành tích cuối kỳ có ý nghĩa quyết định đến kết quả của môn học trong mỗi học kỳ; do đó, nó phải được thiết kế theo cách liên quan trực tiếp đến chương trình và mục tiêu. Bên cạnh đó, sự phát triển của một chương trình giảng dạy có hệ thống phụ thuộc vào sự phát triển của các bài kiểm tra thành tích có hệ thống. Bởi vậy, bài kiểm tra thành tích cuối khóa đảm bảo ý nghĩa của nó trong việc đánh giá một khóa học tiếng Anh.

Trong số các đặc điểm cơ bản của một bài kiểm tra, độ tin cậy và giá trị là hai yếu tố quan trọng nhất tạo nên một bài kiểm tra tốt (Bachman, 1990). Theo Bachman (1990), trong khi độ tin cậy là chất lượng của điểm kiểm tra thì tính hợp lệ là chất lượng của việc giải thích và sử dụng bài kiểm tra. Bởi vì từ sơ đồ điểm số, giảng viên có thể biết được mức độ kiến thức mà đa số sinh viên đạt được cùng với đánh giá sơ bộ trình độ của sinh viên, từ đó tìm ra những phần kiến thức còn chưa thành thạo từ đó thiết kế bài giảng và bài tập ôn luyện hiệu quả hơn để giúp các em cải

thiện phần kiến thức còn thiếu sót.

2. Nội dung nghiên cứu

Đầu tiên và quan trọng nhất, bài báo sẽ hỗ trợ giáo viên tiếng Anh nhận phản hồi về nội dung kiểm tra, cho phép họ xác định điểm yếu và điểm mạnh của bài kiểm tra. Trên thực tế, các bài kiểm tra thường được thiết kế theo khuôn mẫu có sẵn với những kiến thức được lấy từ trong giáo trình giảng dạy. Tuy vậy, không phải lúc nào giáo trình giảng dạy cũng phù hợp với năng lực và trình độ của sinh viên, bởi vì khi thiết kế giáo trình, các giảng viên dựa theo một mức kiến thức chung, nhưng khi áp dụng với từng khóa sinh viên thì giáo trình chung đó sẽ có điểm lệch đi so với năng lực của sinh viên.

Ví dụ như có lứa sinh viên có sà kiến thức chung cao hơn so với dự kiến hoặc cũng có những lứa sinh viên còn có một số thiếu sót ở những khoảng kiến thức nhất định mà giáo trình chung vô tình bỏ qua, bởi vậy nên chúng ta mới cần tùy biến để thiết kế bài kiểm tra cũng như lịch trình và nội dung kiến thức giảng dạy phù hợp với từng khóa sinh viên. Khi dựa vào điểm số của những bài kiểm tra nhỏ trong quá trình giảng dạy, kết hợp với quan sát thực tiễn từ những tiết giảng dạy tại lớp, giảng viên cần linh hoạt trong việc đánh giá năng lực của sinh viên, kết quả là họ sẽ học cách thiết kế các bài kiểm tra đúng cách.

Thứ hai, xác định điểm tốt và điểm chưa tốt của bài kiểm tra sẽ giúp cải thiện việc thiết kế bài kiểm tra tiếng Anh, đặc điểm kỹ thuật của bài kiểm tra và sách giáo trình và hiệu quả hơn. Trên thực tế, khi giáo trình và bài kiểm tra phù hợp, chất lượng dạy và học sẽ giúp học viên đạt được kết quả tốt hơn trong quá trình học hỏi và tiếp thu ngôn ngữ của mình. Cuối cùng, nó sẽ giúp giáo viên và nhà thiết kế hiểu thấu đáo về độ tin cậy bên trong và giá trị nội dung của bài kiểm tra. Do đó, nó có thể là nguồn tài liệu cho nhiều nhà nghiên cứu khác đang nghiên cứu phát triển một bài kiểm tra phù hợp với mục tiêu khóa học cũng như trình độ và sở thích của học sinh.

Để đạt được các mục tiêu đã nêu trước đó, nghiên cứu này sẽ sử dụng kết hợp nhiều phương pháp, bao gồm các phương pháp định tính và định lượng. Phương pháp định lượng được sử dụng để thu thập dữ liệu về kết quả kiểm tra của sinh viên. Phương pháp định tính: Đề có cái nhìn tổng quan về kiểm tra ngôn ngữ, tác giả tiến hành tổng quan tài liệu về lý thuyết và nguyên tắc kiểm tra ngôn ngữ, đặc điểm của một bài kiểm tra tốt, độ tin cậy và giá trị của bài kiểm tra.

3. Kết quả nghiên cứu

Tùy theo quan điểm của các nhà nghiên cứu mà

các bài kiểm tra được định nghĩa khác nhau. Theo Bachman (1990), bài kiểm tra là “một công cụ đo lường được thiết kế để gọi ra một ví dụ cụ thể về hành vi của một cá nhân.” Định nghĩa thiết lập nền tảng và phạm vi của các bài kiểm tra. Theo Brown (2004), một bài kiểm tra chỉ đơn giản là một phương pháp đo lường khả năng, kiến thức hoặc hiệu suất của một người trong một lĩnh vực cụ thể.

Một bài kiểm tra đủ điều kiện phải sử dụng một phương pháp rõ ràng và có cấu trúc, chẳng hạn như các câu hỏi trắc nghiệm với các câu trả lời đúng theo quy định, một lời nhắc viết với phiếu tự đánh giá và một cuộc phỏng vấn bằng miệng dựa trên một kịch bản câu hỏi và một danh sách kiểm tra các câu trả lời dự kiến sẽ được điền vào bởi quản lý hành chính. Một bài kiểm tra cũng phải có một hình thức báo cáo đo lường cụ thể về khả năng, kiến thức hoặc hiệu suất của một cá nhân trong các loại hình kiểm tra khác nhau, chẳng hạn như kiểm tra trình độ hoặc kiểm tra từ vựng. Từ đó, ta có thể thấy, định nghĩa tương chừng như đơn giản nhưng để tạo ra một bài thi hay là một công việc khó đòi hỏi cả tính khoa học và nghệ thuật.

Henning (1987) phân biệt bảy loại bài kiểm tra ngôn ngữ: Đầu tiên là bài kiểm tra khách quan và chủ quan, tiếp đến là bài kiểm tra trực tiếp và bài kiểm tra gián tiếp, bài kiểm tra rời rạc nhỏ lẻ và bài kiểm tra tích hợp, bài kiểm tra năng khiếu và thành tích so với trình độ thành thạo, các bài kiểm tra tham chiếu theo tiêu chí so với tiêu chuẩn, kiểm tra tốc độ và công suất và các bài kiểm tra khác.

Công thức của Palmer về kiến thức ngôn ngữ với công thức sửa đổi về năng lực chiến lược (Chapelle và Douglas 1993) cũng có đưa ra mô hình đề cập đến kiến thức ngôn ngữ bao gồm kiến thức ngữ pháp (kiến thức về từ vựng, hình thái, cú pháp và âm vị học), kiến thức văn bản (kiến thức về cách cấu trúc và tổ chức ngôn ngữ thành các đơn vị lớn hơn: tổ chức tu từ; và cách đánh dấu tổ chức đó: tính liên kết), chức năng tri thức và tri thức ngôn ngữ xã hội.

Thí sinh trong bài kiểm tra phụ thuộc vào ngữ cảnh cần hiểu biết về ngữ cảnh để hoàn thành nhiệm vụ trong khi ở bài kiểm tra đo lường từ vựng độc lập với ngữ cảnh, thí sinh có thể đưa ra câu trả lời như mong đợi mà không cần tham khảo bất kỳ ngữ cảnh nào. Nghiên cứu này tập trung đánh giá các phần từ vựng, ngữ pháp và đọc hiểu trong bài kiểm tra thành tích cuối kỳ môn viết của sinh viên trường Đại học Luật hiện tại. Vì vậy, bài nghiên cứu này chỉ tập trung đánh giá các phần từ vựng, ngữ pháp và đọc hiểu

trong bài kiểm tra viết cuối học kỳ 4 hiện hành của sinh viên Đại học Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội. Hơn nữa, bài kiểm tra được đánh giá sẽ được đánh giá bằng cách sử dụng hai trong số các đặc điểm quan trọng nhất của bài kiểm tra ngôn ngữ: độ tin cậy của bài kiểm tra nội bộ và tính hợp lệ của nội dung.

4. Kết luận

Bài khảo sát phỏng vấn 124 sinh viên trường đại học Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội, yêu cầu các em đánh giá mức độ khó dễ của bài kiểm tra cuối kỳ 2 năm 2022. Về phần nội dung từ vựng, ngữ pháp và các bài đọc hiểu của bài kiểm tra tổng hợp cuối kỳ, các kết quả khảo sát đánh giá là tương đối phù hợp với năng lực của các em sinh viên. Trong đó có 35,3% các em cảm thấy bài kiểm tra phù hợp với năng lực của mình, 17,2% các em cảm thấy phần bài đọc có nhiều từ vựng mới và hơi khó để các em đọc và phán đoán nội dung làm bài trong thời gian thi. Về phần từ vựng và ngữ pháp trong bài thi được đánh giá đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu trong đặc tả bài thi, trong đó chỉ có 13,4% các sinh viên tham gia khảo sát đưa ra nhận định về độ khó của phần cấu trúc và ngữ pháp yêu cầu trong bài thi là hơi vượt khả năng làm bài của các em. Tuy số liệu khảo sát của các sinh viên tham gia chạm mức 17,2% đánh giá về độ khó của từ mới và nội dung bài đọc, nhưng tổng thể về độ dài câu trung bình, mức độ khả thi về khả năng đoán nghĩa của câu và đoạn văn trong bài đọc của sinh viên cũng được đánh giá ở mức khá tốt, với hơn 50% sinh viên đạt trên điểm 7 trong bài kiểm tra cuối kỳ.

Vậy kết quả bài kiểm tra thành tích cuối cùng phản ánh giá trị của nó ở mức độ nào về độ khó của giáo trình cũng như đề thi hay không? Vài liệu những bài kiểm tra trong 1 khoảng thời gian nhất định đó có thể đánh giá khả năng sử dụng ngôn ngữ trong thực tế của sinh viên hay không vẫn còn là một câu hỏi mở vì nhiều nguyên nhân.

Thứ nhất, kết quả cho thấy mức độ khó của các bài được giới hạn từ trung bình đến rất khó. Không có câu hỏi nào dễ dàng trong toàn bộ bài kiểm tra, đồng thời đề kiểm tra cũng cần phải chứa những câu có độ khó nhất định để phân hóa sinh viên. Trong bài kiểm tra, một số câu hỏi không tuân theo thứ tự độ khó được ấn định cho chúng và mức độ dường như cao hơn hoặc thấp hơn so với kế hoạch. Cũng bởi vì lẽ đó, trong phần khảo sát của đề kiểm tra cuối kỳ, sẽ luôn có một bộ phận phần trăm các em sinh viên đánh giá đề thi vượt quá khả năng của các em. Nhưng trên thực tế những câu hỏi khó yêu cầu vốn

từ vựng, ngữ pháp ở cấp độ thông thạo ngôn ngữ cao luôn phải xuất hiện trong bài kiểm tra với chức năng phân hóa sinh viên khá và sinh viên giỏi.

Từ một số phát hiện chính như đã đề cập ở trên, về cơ bản đề kiểm tra dựa trên giáo trình chung là phương pháp tối ưu để đánh giá phần đông sinh viên, tuy vậy vẫn có một vài điểm nên được xem xét lại, sau đây là một số kiến nghị nên được đưa ra để bài kiểm tra thành tích cuối kỳ được sử dụng và thiết kế hiệu quả hơn.

Bên cạnh việc xem xét độ dài của các phần bài đọc, độ dài trung bình của câu, hệ thống từ vựng của bài kiểm tra phù hợp với danh mục từ vựng xuất hiện hoặc liên quan được đề cập tới trong quá trình giảng dạy và chương trình giảng dạy. Bên cạnh đó kiến nghị giữ nguyên độ khó của đề nhưng chia ra số câu hỏi cụ thể phù hợp với mức độ đánh giá sinh viên, cần những câu hỏi phân hóa sinh viên giỏi và sinh viên xuất sắc nhưng vẫn có những câu hỏi nằm ở phần nội dung cơ bản để kiểm tra trình độ học tập ở chương trình giáo dục trong giáo trình nhà trường đề ra. Ngoài ra, người thiết kế đề thi cần chú ý nhiều hơn đến từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong từng câu cho phù hợp hơn với đặc điểm kỹ thuật của đề thi và cần có sự rà soát kỹ hơn về độ khó của câu và phân biệt từng câu trước khi cho học sinh ra đề.

Nghiên cứu này kéo dài trong một kỳ học trên một nhóm sinh viên học không chuyên ngoại ngữ đã thể hiện sự đầu tư về thời gian của giáo viên trong quá trình chọn lựa câu hỏi mang tính phân loại cao trong bài kiểm tra. Bản thân giáo viên cũng có những thay đổi tích cực, nhằm giúp các em hiểu rõ các dạng bài đã học và rèn luyện kỹ năng làm bài tốt hơn. Độ tin cậy cả phù hợp của đề kiểm tra cũng được chứng minh không chỉ giáo viên mà sinh viên chú ý đến khi các em mong muốn làm bài vừa sức và tập trung vào ôn luyện, nâng cao những nội dung kiến thức vừa học

Tài liệu tham khảo

1. Bachman L.F. (1990). *Fundamental Considerations in Language Testing*, OUP, Oxford.
2. Brown, D. H. (2004). *Language Assessment: Principles and Classroom Practices*. San Francisco State University: NY.
3. Chappelle, C., and Douglas, D. (1993). Interpreting second language performance data. Paper presented at Second Language Research Forum, Pittsburgh, PA, March.
4. Henning G. (1987), *A guide to Language Testing: Development, Evaluation, Research*, Newbury House Publishers, Cambridge